**LÝ LUẬN NHẬN THỨC**

1. **KHÁI NIỆM CỦA LÝ LUẬN NHẬN THỨC**
   * Quan niệm về nhận thức trong lịch sử triết học

- Lý luận nhận thức có nguồn gốc Hy lạp cổ được ghép từ hai từ “Gnosis” là tri thức và “Logos” là lời nói, học thuyết

- Lý luận nhận thức là một bộ phận của triết học, nghiên cứu bản chất của nhận thức, những hình thức, các giai đoạn của nhân thức, con đường để đạt chân lý, tiêu chuẩn của chân lý

- Lý luận nhận thức là khía cạnh thứ 2 của vấn đề cơ bản của triết học. Lý luận nhận thức phải giải quyết mối quan hệ của tri thức, của tư duy con người đối với hiện thực xung quanh, trả lời câu hỏi con người có thể nhận thức được thế giời hay không?

* Quan điểm theo chủ nghĩa duy tâm
* CNDT chủ quan: nhận thức không phải là sự phản ánh trạng thái chủ quan của con người. Hay nhận thức có nghĩa là nhận thức các cảm giác của con người
* CNDT khách quan: không phủ nhận khả năng nhận thức của con người nhưng lại giải thích 1 cách duy tâm, thần bí
  + Quan điểm của chủ nghĩa hoài nghi

Nghi ngờ khả năng nhận thức của con người, tuy còn hạn chế nhưng có yếu tố tích cực đối với nhận thức khoa học

* Quan điểm theo thuyết không thể biết

Con người không thể nhận thức được bản chất thế giới

* + Quan điểm của chủ nghĩa duy vật trước C.Mác

Nhận thức là sự phản ánh trực quan, đơn giản, là bản sao chép nguyên xi trạng thái bất động của sự vật

* Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng
* Một là, thừa nhận thế giới vật chất tồn tại khách quan bên ngoài và độc lập với ý thức con người
* Hai là, công nhận cảm giác, tri giác, ý thức nói chung là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan
* Ba la, lấy thực tiễn làm tiêu chuẩn để kiểm tra hình ảnh đúng, hình ảnh sai của cảm giác, ý thức nói chung

<https://youtu.be/GClT4mFjfq8?si=Nj3l35jp_pUux4tm>

1. **LÝ LUẬN NHẬN THỨC CỦA DUY VẬT BIỆN CHỨNG**
2. NGUỒN GỐC VÀ BẢN CHẤT CỦA NHẬN THỨC

*-NGUỒN GỐC THỨ NHẤT*

+ Thừa nhận sự tồn tại khách quan của thế giới và cho rằng thế giới khách quan là đối tượng của nhận thức.

+ Không phải ý thức của con người sản sinh ra thế giới mà thế giới vật chất tồn tại khách quan độc lập với ý thức con người là nguồn gốc “duy nhất và cuối cùng” của nhận thức.

+Nhận thức là quá trình phản ánh hiện thực khách quan vào bộ óc người; là quá trình tạo thành tri thức về thế giới khách quan trong bộ óc con người: “Tri giác và biểu tượng của chúng ta là hình ảnh của các sự vật đó”;

+ “Cảm giác của chúng ta, ý thức của chúng ta chỉ là hình ảnh của thế giới bên ngoài và dĩ nhiên là nếu không có cái bị phản ánh thì không thể có cái phản ánh, nhưng cái bị phản ánh tồn tại độc lập với cái phản ánh”.

-VÍ DỤ

 Cảm giác:khi một mình không có ai bên cạnh bạn sẽ cảm thấy cô đơn

*-NGUỒN GỐC THỨ HAI*

+ Nhận thức là một quá trình biện chứng có vận động và phát triển.

+Nhận thức là một quá trình biện chứng có vận động và phát triển là quá trình đi từ chưa biết đến biết , từ biết ít tới biết nhiều hơn, từ biết chưa đầy đủ đến đầy đủ hơn.

+ Trong quá trình nhận thức của con người luôn luôn nảy sinh quan hệ biện chứng giữa nhận thức kinh nghiệm và nhận thức lí luận;nhận thức thông thường và nhận thức khoa học:

+Nhận thức kinh nghiệm là nhận thức dựa trên sự quan sát trực tiếp các sự vật, hiện tượng hay các thí nghiệm thực nghiệm khoa học.

+ Nhận thức lý luận là nhận thức sự vật, hiện tượng một cách gián tiếp dựa trên các hình thức tư duy trừu tượng như khái niệm ,phán đoán, suy luận để khái quát tính bản chất, quy luật, tính tất yếu của sự vật,hiện tượng.

+Nhận thức thông thường là nhận thức được hình thành một cách tự phát, trực tiếp trong hoạt động hàng ngày và trong của con người.

+Nhận thức khoa học là nhận thức được hình thành chủ động, tự giác của chủ thể nhằm phản ánh những mối liên hệ bản chất,tất nhiên, mang tính quy luật của đối tượng nghiên cứu.

*-NGUỒN GỐC THỨ BA*

+Nhận thức là quá trình tác động biện chứng giữa chủ thể nhận thức và khách thể nhận thức trên cơ sở hoạt động thực tiễn của con người.

-Chủ thể nhận thức:Bản chất của nhận thức là quá trình phản ánh tích cực, sáng tạo thế giới vật chất khác quan bởi con người.

-Chủ thể nhận thức chính là con người. Nhưng đó là con người hiện thực, đang sống, đang hoạt động thực tiễn và đang nhận thức

trong những điều kiện lịch sử-xã hội cụ thể nhất định.

+Con người chỉ trở thành chủ thể nhận thức, khi con người đó là thành viên của xã hội, tham gia vào hoạt động của cộng đồng nhằm cải tạo khách thể.

+Chủ thể nhận thức không chỉ là những cá nhân con người (với tư cách là thành viên của xã hội ) mà còn là những tập đoàn người cụ thể, một dân tộc cụ thể là loài người nói chung.

-Khách thể nhận thức:Khách thể nhận thức là một bộ phận, một lĩnh vực của hiện thực khách quan, nằm trong miền hoạt động nhận

và trở thành đối tượng nhận thức của chủ thể nhận thức.

-Khách thể nhận thức không chỉ là thế giới vật chất mà còn có thể là tư duy, tâm lý, tư tưởng,tinh thần, tình cảm,..

-Khách thể nhận thức cũng có tính lịch sử -xã hội cụ thể, cũng bị chế ước bởi điều kiện lịch sử - xã hội cụ thể. Bởi lẽ, do điều kiện

lịch sử-xã hội của một bộ phận nào đó của hiện thực khách quan mới trở thành khác thể nhận thức.

-Khách thể nhận thức luôn luôn thay đổi trong lịch sử cùng với sự phát triển của hoạt động thực tiễn cũng như sự mở rộng năng lực

nhận thức của con người.Khách thể nhận thức cũng không đồng nhất với đối tượng nhận thức.

\*TÓM LẠI

Triết học Mác - Lênin khẳng định khả năng nhận thức thế giới của con người.

Nhận thức là quá trình phản ánh hiện thực khách quan một cách tích cực, chủ động, sáng tạo bởi con người trên cơ sở thực tiễn mang tính lịch sử cụ thể.

<https://www.youtube.com/watch?v=cRjCk9nhiG8>

b) THỰC TIỄN VÀ VAI TRÒ CỦA THỰC TIỄN ĐỐI VỚI NHẬN THỨC

* *PHẠM TRÙ THỰC TIỄN*
* QUAN NIỆM CỦA TRIẾT HỌC TRƯỚC MÁC VỀ THỰC TIỄN

Thực tiễn, theo tiếng Hy Lạp cổ là “Practica”, có nghĩa đen là hoạt động tích cực.

+ Các nhà triết học duy tâm cho hoạt động nhận thức, hoạt động của ý thức, hoạt

động của tinh thần nói chung là hoạt động thực tiễn.

+ Các nhà triết học tôn giáo thì cho hoạt động sáng tạo ra vũ trụ của thượng đế là

hoạt động thực tiễn.

+ Các nhà triết học duy vật trước triết học duy vật biện chứng có nhiều đóng góp

cho quan điểm duy vật về nhận thức, nhưng chưa một đại biểu nào hiểu đúng được

bản chất của thực tiễn cũng như vai trò của thực tiễn đối với nhận thức.

* Trong luận đề số 1 của Luận cương Phoiơbắc, Các Mác viết: “Khuyết điểm chủ

yếu của toàn bộ chủ nghĩa duy vật từ trước đến nay – kể cả chủ nghĩa duy vật của

Phoiơbắc – là sự vật, hiện thực, cái cảm giác được, chỉ được nhận thức dưới hình

thức khách thể (Đối tượng nhận thức và tác động của chủ thể) hay hình thức trực quan trực giác), chứ không được nhận thức là hoạt động cảm giác của con người, là thực tiễn.

* Hay “Điểm cao nhất mà chủ nghĩa duy vật trực quan, tức là chủ nghĩa duy vật không quan niệm tính cảm giác là hoạt động thực tiễn, vươn tới được là sự trực quan về những cá nhân riêng biệt trong “xã hội công dân”.
* *KHÁI NIỆM MÁC VỀ THỰC TIỄN*
* Trong lịch sử triết học trước Mác, các trào lưu đều có quan niệm chưa đúng, chưa đầy đủ về thực tiễn. Chủ nghĩa duy vật trước Mác đã hiểu được thực tiễn là hành động vật chất của con người nhưng lại không thấy được vai trò của thực tiễn đối với nhận thức .Ngược lại,các nhà triết học duy tâm trước đó đã tuyệt đối hóa yếu tố tinh thần; họ hiểu hoạt động thực tiễn như là hoạt động “ý niệm” hay tư tưởng tồn tại đâu đó ngoài con người, nói cách khác là gạt bỏ vai trò vật chất của thực tiễn trong đời sống xã hội.
* Triết học Mác - Lênin đánh giá phạm trù thực tiễn là một trong những phạm trù nền tảng, cơ bản của triết học nói chung và lý luận nhận thức nói riêng. Quan điểm đó đã tạo nên một bước chuyển biến cách mạng trong triết học. Vậy thực tiễn là gì? Theo quan điểm Triết học Mác-Lenin, “thực tiễn” được định nghĩa chính xác là toàn bộnhững hoạt động vật chất-cảm tính, có tính lịch sử - xã hội của con người nhằm cải tạo tựnhiên và xã hội phục vụ nhân loại tiến bộ. Hay nói cách khác :Thực tiễn là toàn bộ những hoạt động vật chất có mục đích mang tính lịch sử - xã hội của con người nhằm cải biến tự nhiên và xã hội phục vụ cho con người. Ví dụ:
* Trồng lúa, nuôi gà, buôn bán thực phẩm…
* Xây nhà, sửa xe máy, quét rác…
* Làm cách mạng, bầu cử, xây dựng luật pháp…

Vậy, dựa trên quan niệm về thực tiễn, có thể thấy thực tiễn gồm những đặc trưng sau:

**2.1.** Thực tiễn chỉ là những hoạt động vật chất - cảm tính của con người, hay nói khác đi là những hoạt động vật chất mà con người cảm giác được, quan sát được trực quan được. Hoạt động vật chất - cảm tính là những hoạt động mà con người phải sử dụng lực lượng,công cụ vật chất tác động vào các đối tượng vật chất để biến đổi chúng => con người làm biến đổi thế giới khách quan và biến đổi chính bản thân mình. Ví dụ: cuốc đất, xây nhà, lắp ráp ô tô, xây đập thuỷ điện, cải thiện kết quả học tập…

**2.2.** Thực tiễn là những hoạt động mang tính lịch sử - xã hội của con người.

+ Tính lịch sử nghĩa là trong các giai đoạn lịch sử khác nhau thì hoạt động thực tiễn, cải tạo tự nhiên xã hội cũng khác nhau.

+ Tính xã hội: nghĩa là hoạt động thực tiễn không phải hoạt động của cá nhân đơn lẻ, táchrời, mà phải gắn với cộng đồng, gắn với xã hội.

* hoạt động thực tiễn chỉ diễn ra trong xã hội, với sự tham gia đông đảo của mọi người, luôn bị giới hạn bởi những điều kiện lịch sử - xã hội cụ thể và cũng trải qua các giai đoạn lịch sử phát triển cụ thể. Và trong hoạt động thực tiễn, con người có thể truyền lại cho nhau những kinh nghiệm từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Ví dụ: Cuộc cải tổ sai lầm của Liên Xô ( Tháng 3/1985) theo đường lối “cải cách kinh tế triệt để”, lấy hệ thống chính trị và đổi mới tư tưởng làm trọng tâm của M.Gorbachev được đặt trong bối cảnh cụ thể là cuộc khủng hoảng về năng lượng dầu mỏ trên toàn thế giới năm 1973đã dẫn đến sự kiện lá cờ Liên bang Xô viết trên nóc điện Crem-li bị hạ xuống, đánh dấu sự chấm dứt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên bang Xô viết sau 74 năm tồn tại. Từ đó, nhiều bài học kinh nghiệm được rút ra cho các nước chủ nghĩa xã hội đang tiến hành công cuộc cải cách đổi mới, nhằm xây dựng một chế độ chủ nghĩa xã hội đúng với bản chất nhân văn vì sự giải phóng và hạnh phúc con người, phù hợp với hoàn cảnh và truyền thống văn hoá cuả mỗi dân tộc.

**2.3.** Thực tiễn là hoạt động có tính mục đích nhằm cải tạo tự nhiên và xã hội để phục vụ con người. Nói tới thực tiễn là nói tới hoạt động có tính tự giác cao chỉ có ở con người,không giống với hoạt động bản năng thụ động của động vật. Con người không thể thỏa mãnvới những gì có sẵn trong tự nhiên,

* xuất hiện xu hướng hoạt động có mục đích rõ ràng nhằm cải tạo thế giới để thỏa mãn nhu cầu của mình, thích nghi một cách chủ động, tích cựcvà làm chủ thế giới.
* *CÁC HÌNH THỨC CƠ BẢN CỦA THỰC TIỄN*

Thực tiễn tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau, ở những lĩnh vực khác nhau, nhưng gồm những hình thức cơ bản:

-Hoạt động sản xuất vật chất

-Hoạt động chính trị - xã hội

-Hoạt động thực nghiệm khoa học

Trong đó, hoạt động sản xuất vật chất là hình thức thực hiện sớm nhất, cơ bản nhất, quan trọng nhất. Bởi lẽ, ngay từ khi con người mới xuất hiện trên trái đất với tư cách là người, con người đã phải tiến hành sản xuất vật chất dù là giản đơn để tồn tại. Sản xuất vật chất biểu thị mối quan hệ của con người với tự nhiên và là phương thức tồn tại cơ bản của con người và xã hội loài người. Không có sản xuất vật chất, con người và xã hội loài người không thể tồn tại và phát triển. Sản xuất vật chất còn là cơ sở cho sự tồn tại của củacác hình thức thực tiễn khác cũng như tất cả các hoạt động sống khác của con người.

Ví dụ: Hoạt động gặt lúa của nông dân, lao động của các công nhân trong các xí

nghiệp,nhà máy…

- Hoạt động chính trị - xã hội là hoạt động thực tiễn thể hiện tính tự giác cao của con người nhằm biến đổi, cải tạo xã hội, phát triển các thiết chế xã hội, các quan hệ xã hội,v,v.. tạo ra môi trường xã hội thuận lợi cho con người phát triển. Hoạt động chính trị -xã hội bao gồm các hoạt động như đấu tranh giai cấp; đấu tranh giải phóng dân tộc; đấutranh cho hòa bình, dân chủ, tiến bộ xã hội; đấu tranh cải tạo các quan hệ chính trị - xã hội, nhằm tạo ra môi trường xã hội dân chủ, lành mạnh, thuận lợi cho con người pháttriển. Thiếu hình thức hoạt động thực tiễn này, con người và xã hội loài người cũngkhông thể phát triển bình thường.

Ví dụ: Hoạt động bầu cử đại biểu Quốc hội, tiến hành Đại hội Đoàn Thanh niên

trường học,Hội nghị công đoàn…

- “Thực nghiệm là tạo ra những biến đổi nào đó ở sự vật để quan sát nhằm nghiên cứu những hiện tượng nhất định, kiểm tra một ý kiến hoặc gợi ra những ý kiến mới”. Hoạtđộng thực nghiệm khoa học là hình thức đặc biệt của hoạt động thực tiễn. => tronghoạt động thực nghiệm khoa học, con người chủ động tạo ra những điều kiện không có sẵn trong tự nhiên cũng như xã hội để tiến hành thực nghiệm khoa học theo mục đích mà mình đã đề ra. Trên cơ sở đó, sử dụng những thành tựu của thực nghiệm khoa học nhằm phục vụ, cải tạo các quan hệ chính trị - xã hội, phục vụ con người. Ngày nay,khi mà cách mạng khoa học công nghệ phát triển nhanh như vũ bão, “khi mà tri thức xãhội phổ biến để chuyển hóa đến độ nào thành lực lượng sản xuất trực tiếp” thì hình thứchoạt động thực tiễn này càng quan trọng.

Ví dụ: Nhóm nhà khoa học Australia đã kết nối thành công não bộ con người với một chiếc máy tính hệ điều hành Windows 10 bằng cách luồn dây vào mạch máu. nơi chúng có thể phát hiện tín hiệu của não bộ rồi gửi trở lại cho máy tính, cung cấp liệu pháp điều trị cho những người bị liệt.

- Hoạt động sản xuất vật chất đóng vai trò quan trọng, quyết định hai hình thức thực tiễn kia. Tuy nhiên, hai hình thức thực tiễn kia là hoạt động chính trị - xã hội, hoạt động thựcnghiệm khoa học có tác dụng kìm hãm hoặc thúc đẩy sản xuất vật chất. Ba hình thức thựctiễn này có quan hệ biện chứng, tác động ảnh hưởng lẫn nhau, làm cho hoạt động thực tiễnvận động, phát triển và ngày càng có vai trò quan trọng đối với hoạt động nhận thức.

- Thực tiễn là cầu nối con người tự nhiên, xã hội, đồng thời thực tiễn của tách con người khỏi thế giới tự nhiên để “làm chủ” tự nhiên, là để khẳng định con người với tư cách là chủ thểtrong quan hệ với tự nhiên, nhưng muốn “tách” con người khỏi tự nhiên thì trước hết phải“nối” con người với tự nhiên. Thực tiễn chính là cầu nối đó.

VAI TRÒ CỦA THỰC TIỄN ĐỐI VỚI NHẬN THỨC

Thực tiễn là cơ sở, động lực của nhận thức

Bằng và thông qua hoạt động thực tiễn, con người tác động vào thế giới khách quan, buộc chúng phải bộc lộ những thuộc tính, những quy luật để con người nhận thức

· Con người phản ánh thế giới khách quan thông qua lao động

Chính thực tiễn cung cấp những tài liệu, vật liệu cho nhận thức của con người. Không có thực tiễn thì không có nhận thức, không có khoa học, không có lý luận.

· Mọi tri thức của con người đều bắt nguồn từ thực tiễn.

Thực tiễn luôn đề ra nhu cầu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển của nhận thức, vì thế nó luôn thúc đẩy cho sự ra đời của các ngành khoa học. Thực tiễn có tác dụng rèn luyện các giác quan của con người, làm cho chúng phát triển tinh tế hơn, hoàn thiện hơn, trên cơ sở đó giúp quá trình nhận thức của con người tốt hơn. Vì vậy, Ph. Ăngghen đã khẳng định: “chính việc người ta biến đổi tự nhiên... là cơ sở chủ yếu nhất và trực tiếp nhất của tư duy con người, và trí tuệ con người đã phát triển song song với việc người ta đã học cải biến tự nhiên”. Hoạt động thực tiễn còn là cơ sở chế tạo ra các công cụ, phương tiện, máy móc mới hỗ trợ con người trong quá trình nhận thức, chẳng hạn kính hiển vi, kính thiên văn, máy vi tính, v.v., đã mở rộng khả năng của các khí quan nhận thức của con người.

· chứng minh thực tiễn là cơ sở của nhận thức

· Thực tiễn chính là nền tảng, cơ sở để nhận thức của con người, động lực thúc đẩy nhận thức phát triển.

Thực tiễn là mục đích của nhận thức

Nhận thức của con người ngay từ khi mới xuất hiện trên trái đất đã bị quy định bởi những nhu cầu thực tiễn, bởi lẽ, muốn sống, muốn tồn tại, con người phải sản xuất và cải tạo xã hội. Chính nhu cầu sản xuất vật chất và cải tạo xã hội buộc con người phải nhận thức thế giới xung quanh.

· Mục đích của nhận thức không phải chỉ để nhận thức mà còn giúp con người hoạt động thực tiễn nhằm cải biến thế giới

Nhận thức của con người là nhằm phục vụ thực tiễn, soi đường, dẫn dắt, chỉ đạo thực tiễn chứ không phải để trang trí hay phục vụ cho những ý tưởng viển vông. Nếu không vì thực tiễn, nhận thức sẽ mất phương hướng, bế tắc.

· Thực tiễn luôn vận động, phát triển nhờ đó, thực tiễn thúc đẩy nhận thức vận động, phát triển theo. Thực tiễn đặt ra những vấn đề mà lý luận cần giải quyết.

Mọi tri thức khoa học - kết quả của nhận thức chỉ có ý nghĩa khi được áp dụng vào đời sống thực tiễn một cách trực tiếp hay gián tiếp để phục vụ con người.

· Bằng thực tiễn mà kiểm chứng nhận thức đúng hay sai, khi nhận thức đúng thì nó phục vụ thực tiễn phát triển và ngược lại

Thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý

Tri thức của con người là kết quả của quá trình nhận thức, tri thức đó có thể phản ánh đúng hoặc không đúng hiện thực. Không thể lấy tri thức để kiểm tra tri thức, cũng không thể lấy sự hiển nhiên, hay sự tán thành của số đông hoặc sự có lợi, có ích để kiểm tra sự đúng, sai của tri thức. Theo triết học Mác - Lênin, thực tiễn là tiêu chuẩn khách quan duy nhất để kiểm tra chân lý. Dựa vào thực tiễn, người ta có thể chứng minh, kiểm nghiệm chân lý bởi chỉ có thực tiễn mới có thể vật chất hóa được tri thức, hiện thực hóa được tư tưởng, qua đó mới khẳng định được chân lý hoặc phủ định một sai lầm nào đó

· Thực tiễn là nguồn gốc, cơ sở, động lực của nhận thức, hình thành nên quá trình nhận thức, cho nên việc kiểm tra tính đúng đắn của tri thức là phải dựa vào thực tiễn, chứ không phải theo lối lập luận chủ quan

Có nhiều hình thức thực tiễn khác nhau, do vậy cũng có nhiều hình thức kiểm tra chân lý khác nhau, có thể bằng thực nghiệm khoa học, có thể áp dụng lý luận xã hội vào quá trình cải biến xã hội, v.v.. Tuy nhiên thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý vừa có tính chất tuyệt đối, vừa có tính chất tương đối.

· Tính tuyệt đối của thực tiễn với tư cách là tiêu chuẩn chân lý thể hiện ở chỗ, thực tiễn là tiêu chuẩn khách quan duy nhất để kiểm tra

chân lý. Trong mỗi giai đoạn lịch sử cụ thể, thực tiễn sẽ chứng minh được chân lý, bác bỏ được sai lầm.

· Tính tương đối của thực tiễn với tư cách là tiêu chuẩn chân lý thể hiện ở chỗ, thực tiễn có quá trình vận động, biến đổi, phát triển

do đó “không bao giờ có thể xác nhận hoặc bác bỏ một cách hoàn toàn một biểu tượng nào đó của con người, dù biểu tượng ấy là thế nào chăng nữa”.

Vì vậy, nếu xem xét thực tiễn trong không gian càng rộng, trong thời gian càng dài, trong chỉnh thể thì càng rõ đâu là chân lý, đâu là sai lầm.

· Chân lý có tính cụ thể, có đặc tính gắn liền và phù hợp giữa nội dung phản ánh với một đối tượng nhất định cùng các điều kiện, hoàn cảnh lịch sử cụ thể

Triết học Mác - Lênin yêu cầu quan điểm về đời sống, về thực tiễn phải là quan điểm thứ nhất và cơ bản của lý luận về nhận thức và khẳng định: “con người chứng minh bằng thực tiễn của mình sự đúng đắn khách quan của những ý niệm, khái niệm, tri thức của mình, của khoa học của mình”

· Chính thông qua thực tiễn mà con người chứng minh chân lý, nghĩa là chứng minh tính hiện thực và sức mạnh, tính trần tục của tư duy của mình.

Từ vai trò của thực tiễn đối với nhận thức, chúng ta nhận thấy cần phải quán triệt quan điểm thực tiễn trong nhận thức và hoạt động. Quan điểm thực tiễn yêu cầu nhận thức sự vật phải gắn với nhu cầu thực tiễn; phải lấy thực tiễn làm tiêu chuẩn kiểm tra sự đúng sai của kết quả nhận thức; tăng cường tổng kết thực tiễn để rút ra những kết luận góp phần bổ sung, hoàn thiện, phát triển nhận thức, lý luận

Tóm lại, việc nghiên cứu vai trò của thực tiễn đối với nhận thức, lý luận của Triết học Mác - Lênin có ý nghĩa rất quan trọng trong nhận thức và cải tạo thế giới nói chung và trong hoạt chuyên môn của mỗi cá nhân nói riêng. Vì vậy, mỗi cá nhân cần phải nhận thức rõ quan điểm thực tiễn, vận dụng quan điểm này một cách đúng đắn khoa học để tránh bệnh chủ quan, duy ý chí, giáo điều, máy móc, quan liêu. Đồng thời, tránh tuyệt đối hóa vai trò của thực tiễn để không rơi vào chủ nghĩa thực dụng và kinh nghiệm chủ nghĩa. Bởi, “Lý luận mà không có thực tiễn là lý luận suông, thực tiễn mà không có lý luận là thực tiễn mù quáng”./.

* + 1. CÁC GIAI ĐOẠN CỦA QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC

•Khái quát: Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng và từ tư duy trừu tượng

**-Khái quát:**từ trực quan sinh động đến tư duy trừ tượng và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn là con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý

\*Quá trình nhận thức bao gồm: nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính

**- Nhận thức cảm tính (trực quan sinh động):** giai đoạn đầu của qúa trình nhận thức. Phản ánh cụ thể, trực tiếp, cảm tính hiện thực. Gồm 3 hình thức

**+Cảm giác:** là hình thức đầu tên, giản đơn nhất phản ánh từng mặt, từng thuộc tính bên ngoài của sự vật vào giác quan con người.

* Nguồn gốc và nội dung: thế giới quan
* Bản chất: hình ảnh chủ quan của thế giới quan

VD: Bằng mắt ta có thể thấy quả chanh màu xanh, hình cầu,…

**+Tri giác:** là sự tổng hợp của nhiều cảm giác, đem lại hình ảnh về sự vật hoàn chỉnh hơn.

VD:

A cartoon of a person and a child touching an elephant

Description automatically generated

Biểu tượng: là hình ảnh tương đối hoàn chỉnh về sự vật, hiện tượng còn lưu lại trong bộ óc

**+Biểu tượng:** là hình ảnh tương đối hoàn chỉnh về sự vật, hiện tượng còn lưu lại trong bộ óc con người khi sự vật đó không còn trực tiếp tác động vào các giác quan

**\* Tóm lại**: nhận thức cảm tính chỉ phản ánh được cái bề ngoài, có cả cái tất nhiên và ngẫu nhiên, cả cái bản chất và không bản chất, nó chỉ phản ánh các sự vật hiện tượng qua các giác quan.

**-Nhân thức lý tính ( tư duy trừu tượng ) :** giai đoạn tiếp theo cao hơn của quá trình nhận thức, phản ánh sự vật một cách gián tiếp, khái quát hơn, đầu đủ hơn

+ Khái niệm : là hình thức cơ bản, phản ánh khái quát gián tiếp những mối liên hệ bản chất, phổ biến của một tập hợp sự vật được biểu thị bằng một hay một cụm từ, là kết quả của sự tổng hợp.

VD: con cá có xương sống, thở bằng mang, bơi bằng vây, sống dưới nước.

Phán đoán là một hình thức của tư duy trừu tượng, bằng cách liên kết các khái niệm lại để

* Phán đoán : là một hình thức của tư duy trừu tượng, bằng cách liên kết các khái niệm lại để khẳng định hay phủ định một thuộc tính nào đó của sự vật.
* Phán đoán đơn nhất : những thuộc tính chỉ xuất hiện ở sự vật hiện tượng này, không xuất hiện ở sự vật, hiện tương khác.
* Phán đoán đặc thù : nét riêng biệt phân biệt sự vật này với sự vật cùng loại khác.
* Phán đoán phổ biến : có tính chất chung, áp dụng cho tập hợp các sự vật, hiện tượng.
* Suy luận : cũng là hình thức của tư duy trừu tượng, trong đó các phán đoán đã liên kết với nhau theo quy tắc : phán đoán cuối cùng (kết luận) được suy ra từ những phán đoán đã làm tiền đề.
* Suy luận diễn dịch : là loại hình suy luận trong đó từ tiền đề là tri thức chung cho cả lớp đối tượng. Người ta rút ra kết luận là tri thức về riêng từng đối tượng hay bộ phận từng đối tượng tức là tư duy vận động từ cái chung đến cái ít chung hơn, đến cái đơn nhất.
* Suy luận quy nạp : là loại hình suy luận mà trong đó từ tiền đề là những tri thức chung cho cả lớp đối tượng. Tức là tư duy vận động từ cái đơn nhất đến cái chung, cái phổ biến.
  + 1. QUAN ĐIỂM CỦA CNDV BIỆN CHỨNG VỀ CHÂN LÝ
* Chân lý là sự phù hợp của tri thức với đối tượng khách quan. Chân lý là kết quả của quá trình nhận thức thế giới khách quan của con người. Trong quá trình nhận thức, con người sử dụng các giác quan và tư duy để phản ánh thế giới khách quan. Sự phản ánh này có thể là đúng hoặc sai, phù hợp hoặc không phù hợp với đối tượng khách quan. Nếu sự phản ánh đó phù hợp với đối tượng khách quan thì đó là chân lý.
* Chân lý có tính khách quan, tính tương đối và tính phát triển.
* Chân lý có tính khách quan, nghĩa là chân lý không phụ thuộc vào ý thức của con người, tồn tại độc lập với con người. Chân lý là sự phản ánh đúng đắn hiện thực khách quan, không phụ thuộc vào bất kỳ chủ thể nhận thức nào.

Ví dụ: Định luật vạn vật hấp dẫn của Newton là chân lý khách quan, tồn tại độc lập với con người. Định luật này đúng trong mọi điều kiện, hoàn cảnh, không phụ thuộc vào bất kỳ chủ thể nhận thức nào.

* Chân lý có tính tương đối, nghĩa là chân lý chỉ đúng trong một điều kiện, hoàn cảnh nhất định. Khi điều kiện, hoàn cảnh thay đổi thì chân lý cũng có thể thay đổi. Chân lý tương đối là sự phản ánh đúng đắn một phần hiện thực khách quan trong một điều kiện, hoàn cảnh nhất định.

Ví dụ: Định luật bảo toàn năng lượng là chân lý tương đối. Định luật này chỉ đúng trong một hệ kín, tức là một hệ không trao đổi năng lượng với môi trường bên ngoài. Khi hệ mở, tức là hệ có trao đổi năng lượng với môi trường bên ngoài thì định luật này không đúng.

* Chân lý có tính phát triển, nghĩa là chân lý luôn vận động, phát triển cùng với sự phát triển của thế giới khách quan. Chân lý không phải là một cái gì đó bất biến, mà luôn được bổ sung, phát triển trong quá trình nhận thức của con người.

Ví dụ: Khái niệm "vật chất" trong triết học Mác - Lênin đã được bổ sung và phát triển qua các thời kỳ. Trong thời kỳ đầu, chủ nghĩa duy vật cổ đại cho rằng vật chất là những gì có thể tiếp xúc được bằng các giác quan. Sau đó, chủ nghĩa duy vật siêu hình cho rằng vật chất là những gì tồn tại độc lập với ý thức. Chủ nghĩa duy vật biện chứng cho rằng vật chất là tất cả những gì có tồn tại thực tế, không phụ thuộc vào ý thức con người.

* Ý nghĩa: định hướng cho quá trình nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người. Theo quan điểm này, con người cần phải nhận thức thế giới khách quan một cách đúng đắn, khách quan, không thể tùy tiện áp đặt ý kiến chủ quan của mình lên thế giới khách quan. Đồng thời, con người cần phải nhận thức được tính tương đối và tính phát triển của chân lý để có thể bổ sung, phát triển tri thức của mình trong quá trình nhận thức.
* Tóm lại, quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về chân lý là một quan điểm khoa học, phù hợp với thực tiễn. Quan điểm này đã góp phần định hướng cho quá trình nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người.

•Thừa nhận sự vật khác quan tồn tại bên ngoài và độc lập với ý thức của con

•Cảm giác , tri giác , ý thức nói chung là hình ảnh của thế giới khách quan

•Thực tiễn là tiêu chuẩn để kiểm tra hình ảnh đúng, hình ảnh sai của cảm giác, ý thức